

TƯ LIỆU

VỀ NĂM VẼ MỘT BẢN ĐỒ CỔ Ở HÀ NỘI

Nguyễn Quảng Minh*

Khi tìm hiểu sự khác nhau giữa chữ Trung và chữ Nho, chúng tôi gặp vấn đề về quá trình chữ Nho trở thành *từ ngữ* thể hiện rõ nét qua việc bãi bỏ các khoa thi dùng chữ Nho làm công cụ ngôn ngữ, từ thi khảo, thi hạch (ở phủ, ở tỉnh, rất ít tài liệu về hai cấp thi cơ sở này) đến thi Hương, thi Hội và thi Đình. Nói cách khác, đó là quá trình hệ thống giáo dục (vốn tồn tại trong gần 10 thế kỷ) bị rút mất hệ rường cột.

Nhưng trước khi bãi bỏ hẳn các khoa thi đó, chữ Quốc ngữ và chữ Pháp đã “thâm nhập” vào trường thi. Nói cách khác, các sĩ tử ta đã phải làm bài thi không chỉ bằng chữ Nho mà còn bằng chữ Quốc ngữ và cả chữ Pháp; một thứ chữ (script) Nho và hai thứ tiếng (language) Việt và Pháp. Thậm chí ngoài mũ áo và yến tiệc do triều đình Huế ban, các vị tân khoa còn nhận được cả quà tặng của chính quyền thuộc địa Pháp.⁽¹⁾

Mặt khác, chúng tôi cũng cố tìm địa điểm của những khoa thi cuối cùng và tất nhiên cả hình ảnh về những địa điểm đó. Dắt dây như vậy nên chúng tôi đã tình cờ lọt vào lĩnh vực bản đồ và đã gặp một bản đồ cổ không tên (titre), không chú dẫn (légende), không chú thích (inscription) và cũng không có niên đại rõ ràng. Phiếu mô tả ở Vụ Đồ bản, Thư viện Quốc gia Pháp [Bibliothèque nationale de France, BnF], Paris cho biết đó là bản đồ Hà Nội. Nhận thấy hình Trường thi Hà Nội vẽ trên bản đồ này chi tiết rõ ràng hơn và rất khớp với những mô tả văn bản nên chúng tôi bắt buộc phải tìm niên đại của nó. Đó là lý do khiến có bài viết này.

Nguyên tắc chúng tôi vẫn là *nói có sách, mách có chứng* mà chúng thì phải chính xác, khách quan và trùng với đối tượng cần mách! Chúng vừa ở dạng lời văn vừa là hình ảnh. Chúng và đối tượng cần mách không xa nhau về thời gian và không gian thì càng quý. Khi suy luận, bình luận chúng tôi cố giữ khách quan, trung thực. Mặt khác chúng tôi chấp nhận một giả định là, dù vẽ theo phương pháp cổ truyền của ta (“điều lăm đồ”, không tỷ lệ xích, không theo tỷ lệ tương đối và tuyệt đối giữa các hình vẽ với nhiều tính ước lệ) hay theo phương pháp Tây phương nhưng các *hình vẽ trên bản đồ đều giữ vị trí tương đối như thấy trên thực địa* hồi trước (qua văn bản và hồi ức) hay hiện nay; tức trên quan điểm địa-lịch sử.

I. Mô tả bản đồ gốc

Bản đồ mà chúng tôi tìm hiểu có ký hiệu Ge A-395, được vẽ màu nước trên giấy, khổ 143 x 105cm (Nathalie Lancret [2005: 60] ghi 170 x 110cm),

* Hà Lan.



Hình 1. Bản đồ Ge A-395 (chụp lại từ Nathalie Lancrét. Sơ đồ bản đồ Hà Nội, trong: Pierre Clément, Nathalie Lancrét [chủ biên]. Hà Nội, Chu kỳ của những đổi thay-Hình thái kiến trúc và đô thị, Hà Nội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2005, tr. 60).

tỷ lệ 1/5.000 nhưng không vẽ tỷ lệ xích, không kim chỉ phương hướng (theo Phiếu ghi số FRBNF40673861). Trong khi chờ xác minh chính xác ngày tháng nhập Ge A-395 vào BnF, người ta cho là bản đồ này đã có ở đây ít nhất từ đầu thế kỷ 20.

Tuy không có tên, chú dẫn và chú thích nhưng xem qua ai cũng biết ngay đó là bản đồ Hà Nội. Chúng tôi thấy có ít nhất 4 yếu tố giúp khẳng định đó đúng là bản đồ Hà Nội (xin xem bản đồ Ge A-395 ở Hình 1):

1. Hoàng thành vuông, kiên cố (thường gọi là “theo kiểu Vauban”, khởi xây năm 1804-1805) với Cột cờ (khởi xây năm 1812, chúng tôi thêm mũi tên chỉ), các cửa thành đều còn công sự bao chắn (thí dụ, cửa Đông với công sự, chúng tôi để trong khung đỏ).

2. Sông Hồng bao phía đông hình vẽ tỉnh-thành (mũi tên).

3. Hồ Gươm với đảo Ngọc (trên đó thấy rõ đền Ngọc Sơn, đình Trấn Ba).

4. Mười sáu cửa ô trở qua bức thành đất (cao khoảng 2m bao quanh toàn bộ tỉnh-thành, Hình 2 và 3).



Hoàng thành vuông (theo kiểu Vauban).



Sông lớn bao phía đông.
Đó là Sông Hồng.



Hồ Gươm.

Hình 2. Ba hình vẽ (với 4 yếu tố)
giúp định tên được bản đồ Ge A-395.



Hình 3. Bản đồ Ge A-395 với 16 cửa ô⁽²⁾ trở qua thành đất:

A(01)-Cửa Yên Hoa	E(05)-Cửa Đông Hà	I(09)- Cửa Cựu Lâu	M(13)-Cửa Kim Hoa
B(02)-Cửa Yên Tĩnh	F(06)-Cửa Trường Thanh	J(10)-Cửa Nhân Hòa	N(14)-Cửa Thịnh Quang
C(03)-Cửa Thạch Khố	G(07)-Cửa Mỹ Lộc	K(11)-Cửa Thanh Lãng	O(15)-Cửa Thanh Bảo
D(04)-Cửa Phúc Lâm	H(08)- Cửa Đông An	L(12)-Cửa Yên Thọ	P(16)-Cửa Thụy Chương

II. Về năm vẽ bản đồ gốc

II.1. Những năm vẽ ghi trước ngày 7/2/2014

Về năm vẽ (niên đại của) bản đồ Ge A-395, chúng tôi biết có 3 ý kiến khác nhau:

1. **Thế kỷ 18 [17..]** như ghi trước ngày 7/2/2014 trong *Tổng mục lục trực tuyến* của Thư viện Quốc gia Pháp;⁽³⁾

2. **Đầu thế kỷ 19**, do Nathalie Lancret ghi trong bài *Sơ đồ bản đồ Hà Nội* [2005: 60];⁽⁴⁾

3. **Thế kỷ 19**, như ghi trong *Mục lục triển lãm Đông Dương: đất nước và con người, 1856-1956*, Paris, Hôtel des Invalides, 16/10/2013-26/1/2014 (2013: 191).⁽⁵⁾ Trong trao đổi riêng ngày 7/2/2014, bà Solène Granier (Vụ Đường đại, Bảo tàng Quân đội - cơ quan tổ chức triển lãm trên) cho biết, “có lẽ do nhầm lẫn nên *Mục lục triển lãm* mới ghi như vậy” [thế kỷ 19].

Cả ba ý kiến trên đều giống nhau ở một điểm, *không trình bày lý lẽ, không nêu bằng chứng khiến dẫn đến: a) coi đó là bản đồ Hà Nội và b) niên đại đề nghị.*

Riêng chúng tôi, chúng tôi nghĩ cả ba niên đại trên đều không hợp với những hình vẽ có ngay trên bản đồ đó. Chúng tôi thử tìm những yếu tố hình vẽ mà sử sách có ghi thời điểm xây dựng hoặc bị phá hủy. Từ đó suy ra niên đại vẽ Ge A-395.

II.2. Thử tìm năm vẽ từ ngay những hình có trên bản đồ Ge A-395

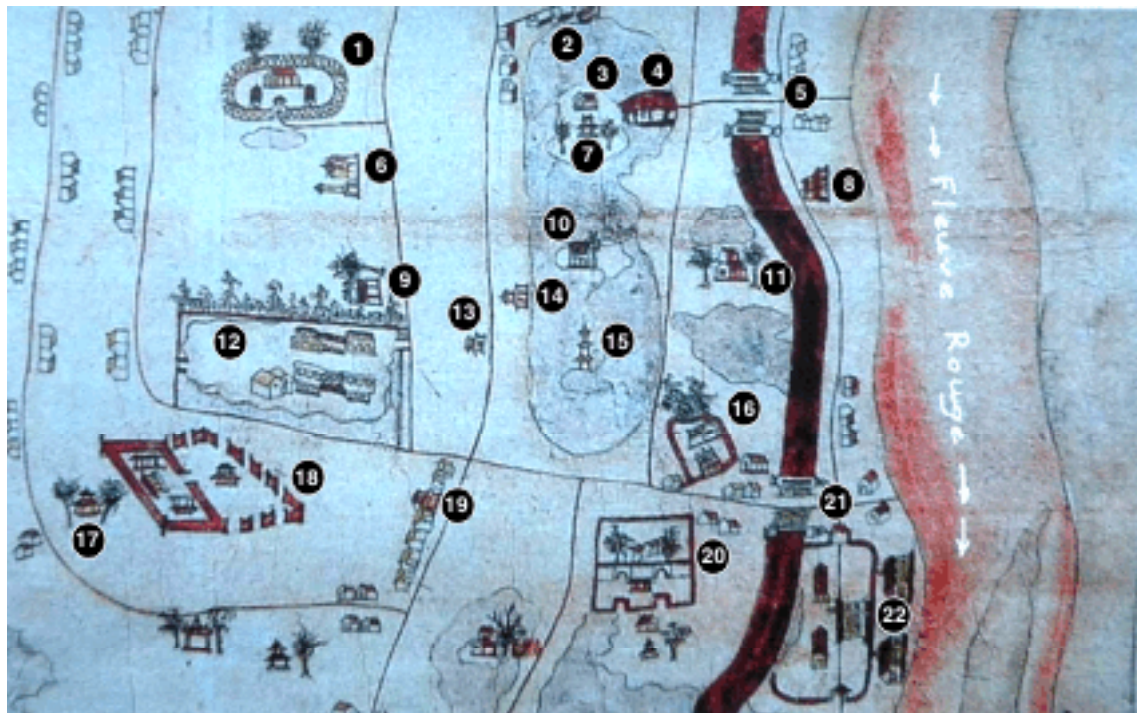
Khu vực chúng tôi chú ý là khu vực quanh Hồ Gươm và khu Nhượng địa (còn gọi là khu Đồn Thủy, Concession française), nơi có nhiều biến đổi phù phàng nhất trong những năm 1880. Người Pháp, với tư cách chủ mới của thành phố Hà Nội (theo Sắc lệnh ngày 1/10/1888 của Tổng thống Pháp và Dụ ngày 3/10/1888 của vua Đồng Khánh) và được sự “góp ý chỉ đạo” của Giám mục P. F. Puginier (1835-1892, tên Việt là Đức thầy Phước) cùng những tín đồ và quan lại người Việt thân cận ông, đã thẳng tay phá bỏ nhiều công trình tiêu biểu trong khu vực.

a. Những công trình biết tên trong khu vực “trọng điểm”

Chúng tôi đã đoán định được tên của tất cả 22 công trình hiện diện trong khu vực (có khung đỏ ở Ge A-395, Hình 1 và tách riêng, ghi số ở Hình 4) (Xem trang 217).

b. Về năm công trình giúp biết năm vẽ Ge A-395

Trong khu vực “trọng điểm”, chúng tôi đặc biệt chú ý đến 5 công trình sau: chùa và tháp Báo Thiên (số 6), giáo đường các Thánh Tử Đạo (số 9), khu Nhà Chung (số 12), chùa Báo Ân (số 16) và Trường Thi (số 18); khi chỉnh trang “khu phố Tây” trong những năm 1883-1888, năm công trình đó bị ảnh hưởng nhiều nhất. Xin trình bày riêng về từng công trình như dưới đây.



Hình 4. Khu “trọng điểm” với 22 công trình biết tên:

1. Huyện đường Thọ Xương (bị phá khoảng năm 1888).⁽⁶⁾
2. Hồ Gươm (hay hồ Hoàn Kiếm, nay còn).
3. Đền Ngọc Sơn, trên đảo Ngọc (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
4. Đền Bà Kiệu (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
5. Cửa Đông An (ăn từ Lò Sũ ra Sông Hồng; chú chữ H ở Hình 3, nay không còn).
6. Tháp Báo Thiên (nay không còn).
7. Đình Trấn Ba (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
8. Giang Hà trạm [?] (nay không còn).
9. Giáo đường các Thánh Tử Đạo, Chapelle des Martyrs (nay không còn).
10. Tháp Rùa (nay còn).
11. Chùa Phổ Giác (chùa Tàu, nay không còn, có tin “bị phá hủy khoảng năm 1883-1884”).
12. Khu Nhà Chung, Mission (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
13. Chùa Bà Đá (nay còn nhưng quy mô nhỏ hơn trước nhiều).
14. Đình Nam Hương (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
15. Tháp Hòa Phong (công trình còn lại duy nhất của chùa Báo Ân, ít bị “cải tạo” nhưng nay bị lấp khoảng 50~70cm phần chân tháp).
16. Chùa Báo Ân (nay không còn).
17. Chùa Quán Sứ (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
18. Trường Thi (nay không còn).
19. Đền Vũ Thạch (nay còn nhưng khác xưa nhiều).
20. Trường Tiền (nơi đúc tiền, bị phá khoảng năm 1887).
21. Cửa Cự Lâu, khoảng 1831 tên là cửa Tây Luông, khoảng 1866 là cửa Trường Long, người Pháp gọi là *Porte de France* (chú chữ I ở Hình 3, nay không còn).
22. Khu Nhượng địa (Đồn Thủy, thay đổi nhiều theo thời gian).

1. Tháp Báo Thiên (số 6)

Tháp Báo Thiên được coi như danh thắng không chỉ của Thăng Long - Hà Nội mà của cả nước ta; tháp đứng đầu [*An Nam*] *tứ đại khí* (bốn kỳ quan lớn của

nước ta), được xếp hạng từ thời Lý-Trần (thế kỷ 11-13).⁽⁷⁾ Tên chính thức là *Đại Thắng Tư Thiên bảo tháp*, nằm trong khuôn viên chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên nên thường gọi là tháp Báo Thiên. Tháp được xây năm Đinh Dậu (1057) triều vua Lý Thánh Tông, cao 20 trượng (khoảng 70m, nguồn tin khác cho là cao *vài mươi trượng*), gồm 30 tầng (nguồn tin khác cho là gồm *12 tầng*), ngọn tháp đúc bằng đồng khắc ba chữ *Đạo Ly Thiên*, trên đỉnh có tượng tiên nữ bưng mâm ngọc hứng móc ngọt [để làm thuốc cho vua]. Trận bão năm Mậu Ngọ (1258) đã làm đổ ngọn tháp. Sau khi trùng tu, tháp lại bị sét đánh sạt mất hai tầng về góc bên phía đông vào năm Nhâm Tuất (1322). Tháng 6 năm Bính Tuất (1406) đỉnh tháp lại bị đổ. Thời thuộc Minh (1407-1427), có tin là quân Minh đã phá tháp lấy đồng chế súng đạn. Sau đó chùa và tháp bị hoang phế.⁽⁸⁾

Theo Masson (1929: 125-126), sau khi giáo đường các Thánh Tử Đạo bị phá trụi vào giữa tháng 5 năm 1883, Giám mục Puginier đòi xây nhà thờ mới và nhất định chỉ lấy địa điểm ở nơi có tháp Báo Thiên và chùa Sùng Khánh. Được sự thông đồng của Công sứ R. Bonnal và sự chỉ đạo ngầm của Puginier, Kinh lược Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Độ “tìm ra” cách hợp thức hóa yêu cầu của Puginier và cuối năm 1883 Kinh lược Độ trao cho Puginier giấy chứng nhận sở hữu (không mất một xu) khu đất đó. Đầu năm 1884 tất cả những dấu tích hoang phế của tháp và chùa đều bị phá nốt và dọn sạch để xây nhà thờ St-Joseph (tức Nhà Thờ Lớn ngày nay, thánh lễ khánh thành vào đêm Noël 24/12/1887).

Bốn năm sau, trong sách hướng dẫn du lịch *Hanoi et ses environs* (thuộc bộ sách Guide touristique Madrolle nổi tiếng) người ta vẫn còn trầm trồ nói về tháp Báo Thiên (Madrolle 1912: 16): “*trên mảnh đất [xây nhà thờ St-Joseph], đến thế kỷ 18 vẫn còn tháp Phật giáo [tên là] Bao-thiên, cao ba tầng và nổi tiếng về hình dạng và dáng vẻ thanh tú, đó là một trong những kỳ quan của vương quốc...*”

Những bản đồ cổ⁽⁹⁾ của Thăng Long - Hà Nội đều có vẽ tháp này, một vài bản đồ ghi là 宝 (=寶) 天塔 tháp Báo Thiên. Trên bản đồ Hà Nội (khổ 42 x 32cm) trong *Đồng Khánh địa dư chí*, do quan địa phương vẽ khoảng năm 1886-1888 không còn thấy tháp Báo Thiên (lúc vẽ bản đồ này, chùa và tháp đã bị phá, ở nơi đó đang xây nhà thờ St Joseph).



Bản đồ Trung đô (Thăng Long), thấy trong *Hồng Đức bản đồ*, năm vẽ không chắc chắn nhưng thường được coi là bản đồ cổ nhất về Thăng Long.



Phóng lớn tháp Báo Thiên.

Bản đồ Thăng Long, năm vẽ không chắc chắn (in lại từ www.ban-do-co-ha-noi.com)



Phóng lớn tháp Báo Thiên.
Trên bản đồ này 報天塔 được ghi thành 宝 (=寶) 天塔!



Bản đồ Thăng Long, năm vẽ không chắc chắn (in lại theo Huard & Durand 1954: 121).



Phóng lớn tháp Báo Thiên.
Trên bản đồ này 報天塔 cũng được ghi thành 宝 (=寶) 天塔!



Bản đồ Ge A-395.
Đây là tấm bản đồ cuối cùng còn vẽ chùa và tháp Báo Thiên (hình bên).



Hình 5. Chùa và tháp Báo Thiên trên vài bản đồ cổ.

2. Giáo đường các Thánh Tử Đạo (số 9)

Không còn một bản đồ hay hình vẽ nào về giáo đường này nhưng theo lời kể của Giám mục Gendreau (đến Bắc Kỳ năm 1873, vài tuần lễ trước ngày 5 tháng 11, ngày Francis Garnier đến bến Hà Nội) và Linh mục Dronet (đến Hà Nội năm 1884, có hỏi những người biết giáo đường) thì năm 1873 chỉ có

một giáo đường nhỏ bằng gỗ, xây dựng gần giống như các đền chùa của người Việt, bên trong có một gian rộng với nhiều cột gỗ lim. Bourde cho biết thêm, có lẽ còn có một tháp chuông kiểu Gothique. Hồi đó, chỉ thỉnh thoảng mới có lễ thánh ở đó và do một Linh mục người Việt từ Bang-So (cách xa 20km) đến chủ trì (theo Masson, 1929: 120-121). Nguyên giáo đường này ở bên ngoài khu Nhà Chung, bị đốt và phá trụi đêm 15 rạng ngày 16 tháng 5 năm 1883. Sau đó được xây tạm lại ở bên trong khu Nhà Chung (xem bản đồ Babonneau năm 1885) chờ nhà thờ chính thức sẽ xây trên mảnh đất của tháp Báo Thiên và chùa Sùng Khánh.

Bản đồ
Ge A-395.



Lũy tre ranh giới khu Nhà Chung. Giáo đường ở ngoài khu Nhà Chung.

Bản đồ
Babonneau
năm 1885.



Tường gạch bao quanh khu Nhà Chung. Giáo đường ở trong khu Nhà Chung.



Hình 6. Giáo đường các Thánh Tử Đạo trên bản đồ Ge A-395 và trên bản đồ Babonneau năm 1885.

3. Khu Nhà Chung (số 12)

Thường gọi tắt là Mission nhưng tên chính thức thay đổi theo thời gian: ban đầu là Mission catholique hay Missions Étrangères de Paris (Giáo đoàn Thừa sai), khi cố Puginier lên ở đây (cuối 1884) là Mission du vicariat du Tonkin occidental. Masson (1929: 119) coi đây là “*một trong những nơi thay đổi nhanh nhất trong các năm 1873-1888*”. Năm 1873 chỉ mới có vài gia đình Công giáo đến ở quanh một nhà thờ bằng gỗ, sau thành giáo đường các Thánh Tử

Đạo. Khoảng năm 1876 linh mục Landais (cố Mỹ) xây căn nhà đầu tiên của khu Nhà Chung. Từ năm 1883 giáo dân Hà Nội “*đã chiếm một khu đất rộng trước mặt Trường Thi, không xa cửa đông nam Hoàng Thành. Lũy tre bao bọc mọi phía. Đó thực sự là một làng nhưng rất khác biệt, náo nhiệt vì có nhiều giáo dân địa phương, giáo sĩ, thầy giảng (catéchiste), chủng sinh, trẻ em trong các nhà mồ côi*”. Nhưng tháng 5 năm 1883 khu này cũng bị vây hãm và đốt phá.

Tháng 9 năm 1884 Hocquard (1892: 359) cho biết: *tôi từ biệt Giám mục Puginier, hứa sẽ đến thăm ngài ở nơi ở của ngài ở Hà Nội. Lúc này, chinh chiến lại sắp quay trở lại, giám mục sẽ rời Ké-So [Kẻ Sở, 89km về phía nam Hà Nội] để gần cận hơn tướng tổng chỉ huy, nhằm phục vụ vị tướng này khi ông ta cần những thông tin (renseignement, từ này cũng có nghĩa là tin tình báo) về đất nước này...*⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên chúng tôi chưa tìm được mô tả khu Nhà Chung trong *Une campagne au Tonkin*.

Giám mục P. F. Puginier lên ở hẳn ở khu Nhà Chung từ cuối năm 1884, đã xây dựng và mở rộng khu này rất nhiều để tương xứng với nhiệm vụ mới. Lũy tre bao bọc được thay bằng tường gạch, giáo đường được xây dựng lại tạm thời bên trong khu Nhà Chung.



Khu Nhà Chung trên bản đồ Ge A-395.



Trích phóng to khu Nhà Chung.



Tòa nhà gạch xây đầu tiên năm 1876 trong khu Nhà Chung. Tháng 5 năm 1883 quân Cờ Đen vây hãm, từ cửa sổ tầng gác nhà này lính thủy Pháp bắn vào quân vây hãm bên ngoài (Masson, 1929: Pl.XXII).



Khu Nhà Chung (hình do Hocquard chụp, khoảng 1884-1885).



Khu Nhà Chung, năm chụp không chắc chắn (có thể sau 1885), lấy từ <http://hanoilavie.com>.

Hình 7. Khu Nhà Chung.

4. Chùa Báo Ân (số 16)

Đây là ngôi chùa nổi tiếng nhất ở Hà Nội khi Pháp mới xâm chiếm Bắc Kỳ. Chùa do Tổng đốc Hà Ninh [Hà Nội và Ninh Bình] Nguyễn Đăng Giai (? - 1854)

đứng ra quyên góp, xây dựng từ 1842 đến 1847 (nguồn tin khác: 1848) thì xong. Chùa có quy mô lớn gồm 180 gian (nguồn tin khác: 200 gian) với 36 nóc trên khu đất rộng gần 100 mẫu (khoảng 36ha) trên nền cũ của lầu Ngũ Long, mặt trước trông ra Sông Hồng, mặt sau dựa vào Hồ Gươm, thuộc thôn Cự Lâu, huyện Thọ Xương (nguồn tin khác: mặt trước trông ra Hồ Gươm). Ngoài khoảng hai trăm tượng Phật rất đẹp (kể cả cảnh Thập điện Diêm Vương rất nổi tiếng), chùa còn là một cơ sở lớn ấn tống kinh sách Phật giáo. Tên chính thức là *Liên Trì Hải Hội* (nguồn tin khác: *Sùng Hưng*) nhưng chùa có nhiều tên khác như: *Liên Trì*, *Liên Hoa*, *Báo Ân*, *Hà Nội Đại sứ quán* [?], *Quan Thượng* (do khi xây chùa, Nguyễn Đăng Giai mang hàm Thượng thư)...

Nhiều người đương thời đã để lại một vài ghi chép về ngôi chùa này:

- “Chùa Liên Trì ở thôn Cự Lâu..., năm Thiệu Trị nguyên niên [1841], Nguyễn Tây Thúc [Nguyễn Đăng Giai] xây dựng vô cùng tráng lệ, tám ngòai trồng sen vây quanh, gọi là chùa Liên Hoa”.

(Cán Đình Dương Bá Cung. *Hà Nội địa dư*, soạn năm Tự Đức thứ 4 (1851), bản A.1154).

- Ngày mồng Tám tết [năm Bính Tý] 1876 [thứ Tư ngày 2 tháng 2 năm 1876]...⁽¹¹⁾ *Luôn đường lại rủ nhau đi coi cảnh chùa ông Nguyễn-đăng-Giai lập một bên mép hồ Hoàn-gươm.*

Nguyên thuở ông Nguyễn-đăng-Giai ngôi tổng-đốc tại Hà-nội, người bày ra cho đi thú-quyên tiền quan dân mà lập nên kiểng chùa thờ Phật. Làm cũng đã công-phu lắm, tốn tiền-gạo hết nhiều, nên mới có bài thơ học-trò bác chê ông ấy rằng:

*Phước-đức chi mây bố dĩ Giai?
Làm cho tốn Bắc lại hao Đoài,
Kìa gương Võ-đế còn treo đó,⁽¹²⁾
Ngạ tử Đài-thành Phật cứu ai?*

Cảnh chùa ấy thật đã nên là tốt: vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ đi quanh-co vòng theo chùa, lại ăn lọt dưới chùa nữa, hai bên mép xây gạch xây đá cả. Cầu bắc từ phía qua chùa đều cũng xây đá gạch hết hần-hoi. Xung-quanh bên phía có nhà hành-lang chạy dài ra sau giáp nhau.

Trong chùa đằng trước để tượng Phật đứng bàn cả đám, hình lớn-to, quang-thếp cả. Hai bên sau có làm động và tháp điện, đều bong hình nổi ra hết. Đằng sau có đền, có tạc hình-cốt ông Nguyễn-đăng-Giai.

Phải chi nhà-nước lo tu-bổ giữ-gìn thì ra một cái kiểng rất xinh rất đẹp. Mà nay thấy chùa thấy sãi ở đó, dỡ ngói, cạy gạch bán lần đi mà ăn, nên hư-tệ đi uống quá.

(P.J.B. Trương-Vĩnh-Ký. 自述往北圻傳 [Tự thuật vãng Bắc Kỳ truyện]. *Voyage au Tonkin en 1876 - Chuyến đi Bắc-kì năm Ất-hợi (1876)*, Saigon, Bản-in nhà hàng C. Guiland et Martinon, 1884, tr. 5).

- [tạm dịch] “ở đó [chùa Báo Ân] người ta thấy tạc trên đá và trên gỗ⁽¹³⁾ những hình phạt mà người có tội ở thế giới này phải chịu khi họ sang thế giới

bên kia. Đó là một tác phẩm kỳ cục (grotesque) và không tả nổi nhưng không kém phần tinh tế và, xét về trí tưởng tượng, thì còn vượt xa những bức vẽ kinh hoàng nhất của các nghệ sĩ của chúng ta thời Trung Cổ.”

(Labarthe. *Revue de Géographie*, 1883, II, tr. 102 [dẫn theo Masson 1929: 157]).

- [tạm dịch] “Chúng tôi cũng rất thường xuyên đến thăm một ngôi chùa cổ, có tên là chùa Thụ hình (Pagode des Supplices), từ rất xa đã nhìn thấy những tháp chuông, những cửa và những bảo tháp của chùa. Trong một gian lớn, giữa những cột sơn son thiếp vàng đẹp, có bày trên hai trăm [tượng] thần thánh của hệ chư thân Phật giáo.

Ở giữa, trên ban thờ chính và ở vị trí danh dự có một tượng Phật Ấn Độ, cao một mét rưỡi, thiếp vàng từ đầu đến chân. Tọa lạc trên hoa sen, mắt lim dim, ngài đặt bàn tay phải trên đùi. Hai đệ tử thân cận, một thanh niên và một ông già, đứng hai bên ngài. Quanh nhóm tượng chính đó, có nhiều tượng khác đặt trên những ban thờ riêng và kê dọc theo những gian bên chùa, tạo thành như một cử tọa [đang] thị chú. Các nhân thân, trong số này thấy có các lão tăng, các quan mặc phẩm phục tay bưng bát nhang hay quyền trượng, các La Hán ngồi thiền, các vị này chưa thành chính quả nhưng đã có thể ban lộc cho dã thú, vì thấy có hổ và trâu phủ phục dưới chân quý vị này.

Bức tượng chính trong chùa có dáng vẻ, đầu tóc và y trang Ấn Độ. Bức tượng Bắc Kỳ này giống hệt như bức tượng mà chúng tôi đã thấy trong các chùa ở Tích Lan và Tân Gia Ba. Những vị phụ tá [của tượng chính] chỉ thay đổi dáng vẻ: quý vị này giống hệt [tượng] Trung Quốc.

Rất ít người địa phương có thể giải thích được ý nghĩa của phần lớn tượng bày đầy trong chùa chiền. Nói chung, chùa chiền được coi sóc rất kém; nhiều nơi đã bỏ hoang phế. Ngôi chùa mà tôi vừa tả, đã đổ nát.”

(Hocquard mô tả cảnh chùa vào tháng 5 năm 1884 [1892: 233-234]).

Tháng 11 năm 1885 bắt đầu “đổ đất cạp hồ [Gươm] và lấp các chỗ trũng” (Nguyễn Văn Uẩn 2000: 652), phần lớn chùa Báo Ân bị phá năm 1888-1889 để xây Bưu điện và nhà Thống sứ.

Ngay nhiều người Pháp cũng thấy tiếc trước việc chùa bị phá, thí dụ, Paul Boudet (Giám đốc Sở Lưu trữ và Thư viện Đông Dương) khi viết tựa cho sách *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)* đã tự hỏi (tạm dịch): “Và ngôi chùa Báo Ân ở Hà Nội với những ngọn tháp và stupa bằng gạch soi bóng xuống nước Hồ Gươm xanh lục, sao họ không giữ chùa lại [để] giữa những vườn hoa trong khu đô thị mới?” (Masson 1929: 8).

Hoàng Đạo Thúy (1897-1994)⁽¹⁴⁾ không tận mắt thấy chùa Báo Ân nhưng ông đã tả chùa rất sinh động (1991 [2010]: 287): “Ra chỗ lầu Ngũ Long cũ, xem. Chúa Trịnh Doanh (1741-1767) [1720-1767, cầm quyền từ 1740 tới 1767] đã bắt xây lầu để hóng mát. Trịnh Khải [1763-1786, cầm quyền từ 1782 tới 1786] đã lên lầu, chỉ huy đánh Tây Sơn, nhưng phải tụt xuống, bỏ chạy. Sau lầu đổ, còn lại cái nền năm cạnh. Năm 1842, Tổng đốc Hà Nội là Nguyễn

Đặng Giai, quyền tiền xây chùa Liên Trí (Báo Ân), nhưng người ta cứ gọi là chùa Quan Thượng.

Sát bờ nước là một cái ‘đình’ nhỏ, toàn gạch, xây rất chắc. Đình nhìn ra đảo Rùa [có lẽ đây là tháp Hòa Phong, ngày nay vẫn còn].

Sau đình là cửa vào chùa, một nhà tam quan hai tầng, hai bên có hai tháp cao. Quanh chùa đều là hồ sen. Từ ngoài vào, qua một cái cầu gạch và đá, tả hữu có lầu chuông, gác khánh. Bên trong là 36 nếp nhà, gồm 180 gian. Xung quanh có nhiều hành lang và cầu. Tượng Phật cao ngất. Lại tô cảnh Mười điện Diêm Vương, nặn đủ các hình phạt ở ‘âm ty’: núi đao, cây kiếm, vạc dầu. Các quỷ sứ làm tội các người độc ác.

Thật là to, đẹp. Người ‘vãng cảnh’ chóng mặt. Làm đến bốn năm trời mới xong. Bà con Hà Nội chê:

*Phúc đức gì mà bố đi Giai
Làm cho tổn Bắc, lại hao Đoài...”*

Tuy nhiên ngày nay vẫn còn lại một di tích duy nhất của ngôi chùa nổi tiếng này. Đó là tháp Hòa Phong nằm trên bờ Hồ Gươm, ngang tầm nhà Bưu điện Bờ Hồ mới xây lại. Tháp này cũng còn gần như nguyên vẹn so với nhiều “trùng tu, cải tạo...” ở các di tích khác quanh hồ như cổng đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, đền Bà Kiệu...



Bản đồ
Pham-dinh-Bach,
1873.



Chùa Báo Ân (mũi tên) và tháp Hòa Phong trên bản đồ Pham-dinh-Bach, 1873.



Trích đoạn
bản đồ
Ge A-395.



Chùa Báo Ân (16) và tháp Hòa Phong (15) trên bản đồ Ge A-395. Có lẽ đám xanh rì ở phía bắc, ngoài khuôn viên chùa là hồ sen.

Hình 8. Chùa Báo Ân và tháp Hòa Phong trên hai bản đồ Hà Nội cổ.



Toàn cảnh chùa Báo Ân.



Cổng chùa Báo Ân (nhìn thẳng).



Cổng chùa Báo Ân (nhìn hơi chếch).



A. Phải chăng đây là ngọn tháp ở bên cửa trong hình bên? (hình khắc lại theo ảnh chụp).



Tháp Hòa Phong và một phần cổng chùa Báo Ân trông ra Hồ Gươm.



Reconstitution de l'ensemble de la Pagode des Suppliants.

B. Chùa Báo Ân, tranh màu nước vẽ theo trí nhớ của một nhà Nho, khoảng đầu những năm 1920 (Masson, 1929: 234).

Ghi chú: Không thấy cảnh hồ sen quanh chùa khiến chùa có tên Liên Trì tự!

Hình 9. Vài hình ảnh về chùa Báo Ân, Hocquard chụp khoảng tháng 5 năm 1884 (trừ hình A và B).⁽¹⁸⁾

5. Trường Thi (số 18)

Trường Thi là một trong ba địa điểm thường thấy vẽ trên các bản đồ Hà Nội cổ vào thế kỷ 19: Hoàng Thành theo kiểu Vauban, Hồ Gươm và Trường Thi; ở nơi đây đã tổ chức hai khoa thi Hương cuối cùng của Trường Hà [Nội],

tháng 10-12 năm 1876 và cuối năm 1879. Trường Thi cũng là nơi “tạm trú” cho nhiều đám quan quân Pháp trong thời kỳ Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ (1873 và 2 thập niên sau đó) vì vậy đã bị “xây rồi phá” nhiều lần; thí dụ như các đám quan quân sau:

- Từ 5 đến 20 tháng 11 năm 1873 - Francis Garnier và tùy tùng;
- Từ 26 tháng 8 năm 1875 đến 15 tháng 10 năm 1876 - Kergaradec, Lãnh sự Pháp đầu tiên và tùy tùng;
- Đầu năm 1882 - quân của Henri Rivière;
- Cuối năm 1883 - xây lại để đóng quân;
- Năm 1886 - xây dinh Kinh lược cho Nguyễn Hữu Độ.

Như vậy, quân Pháp đã sử dụng mảnh đất Trường Thi không đúng chức năng, nhiều lần, lâu dài hơn và họ cũng đã xây dựng ở đó nhiều công trình mà sau này có vị cứ ngỡ là vốn có và dùng cho trường thi Hương!

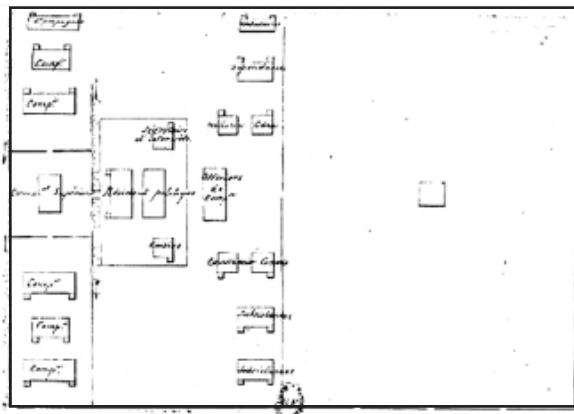
Tháng 6 năm 1884, Hocquard đã ghi lại những gì mà ông thấy trên mảnh đất ấy (1892: 250-251, tạm dịch): *“Bên trái con đường chúng tôi đang đi thấy một đám đất cao nằm giữa ruộng lúa. Tường bao khá cao vây kín đám đất hình vuông đó, mỗi chiều khoảng 300 mét. Tường bao có hai cửa đối nhau, một ở giữa hướng đông và một ở giữa hướng tây. Bên trong thấy nhiều dãy nhà nhỏ cách biệt nhau, vách đất, chỉ có tầng trệt, phân bố đều đặn, dãy này cạnh dãy kia, theo những đường thẳng song song. Toàn bộ đám đất này là chỗ mà người ta gọi là Camp des Lettrés [Trường Thi]. Ba năm một lần, sĩ tử khắp tỉnh quy tụ về chính nơi đây để thi ra làm quan.*

Những dãy nhà đó được ngăn thành nhiều căn [buồng], mỗi căn có một cửa ra vào và một cửa sổ mở ra phía hành lang. Sĩ tử ở trong một trong những căn nhà đó... [không đúng; Hocquard viết hơn nửa trang nữa về việc tổ chức thi Hương, thi Hội; nhiều điều ông viết không đúng với thực tế thi cử]... Có những biện pháp rất chi tiết để ngăn ngừa sĩ tử thông đồng với nhau hay với bên ngoài. Các giám thị đi lại trong các hành lang ngăn cách các dãy nhà; cẩn thận hơn, người ta còn dán ở mặt ngoài cửa ra vào của mỗi căn một mảnh giấy có dấu của quan chủ khảo.

Tôi còn thấy những mảnh giấy niêm phong có dấu đỏ đỏ trên một hoặc hai cửa ra vào.

Từ ngày có chiến dịch bình định, các sĩ tử Bắc Kỳ muốn dự thi phải vào Huế, và Trường Thi Hà Nội hoàn toàn bị bỏ hoang. Các dãy nhà bị đổ nát, mái bị sứt, cỏ mọc lấp lối đi lại và lan cả vào trong các căn nhà.”

Trường Thi như mô tả của Hocquard vào tháng 6 năm 1884, có thể chỉ là khu của khảo quan ở phía tây Trường Thi, khu dành cho sĩ tử cấm lều chõng ở phía đông, có 9 cửa và khi không thi cử là mảnh đất trống (có khi dùng để phát chẩn). Nhưng có một thông tin đáng chú ý là *“... vào nửa cuối năm 1883, do số quân đông nên đã phải ký với nhà thầu Yuen-Tay [Nguyễn Thái?] người Hoa, để y cung cấp nhân công và vật liệu xây lán trại cho một trung đoàn đóng ở Trường Thi... Phải xây ba mươi hai dãy nhà 6 x 20m, tám dãy 6 x 12m và hai dãy 11 x 69m bằng gỗ và gạch, đường đi lát gạch Ba-Trang [Bát Tràng]...”* (Masson 1929: 49).



Bản đồ Trường Thi năm 1875, khi Lãnh sự Kergaradec đang đóng ở đây (họ chỉ ở khu phía tây vốn dành cho khảo quan).

Hình 10. Bản đồ Trường Thi năm 1875.

Ngày nay lớp hậu sinh chúng ta thường chấp nhận Trường Thi xưa như mô tả của Hoàng Đạo Thúy (1991 [2010]: 99-100): “*Phố Tràng Thi, ở chỗ nay là Thư viện Trung ương, năm 1886, là Trường thi Hà Nội. Đời Lê thì Trường thi Hương ở Quảng Bá. Trường thi Hà Nội là một khu đất dài 200m, rộng 100m. Xung quanh có tường bao. Trong trường ngăn ra làm hai phần. Phần tây có 21 nếp nhà gạch, để các quan trường ở và làm việc. Phần đông to hơn để đất trống. Có hai đường cắt nhau ở giữa, chia đất thành 4 ‘vì’. Đây là ‘Đường thập đạo’. Ở chỗ giữa*

có cái chòi cao, từ trên ấy, quan Đề điệu đứng coi thi.”

Hoàng Đạo Thúy sinh sau khoa thi Hương cuối cùng ở địa điểm trên khoảng 20 năm; cuốn *Hà Nội phố phường xưa* của ông đầy ắp thông tin và số liệu nhưng không thấy ông nói là đã tận mắt thấy hay đã điều tra ra hoặc dẫn một nguồn nào hay một tài liệu nào; mặt khác nhiều niên đại do ông đưa ra không khớp với những nguồn khác, chẳng hạn, theo Masson và nhiều nguồn khác, khoa thi cuối cùng của trường Hà là vào mùa thu năm Kỷ Mão 1879; năm 1886 do ông ghi trên là năm Pháp xây dinh Kinh lược cho Nguyễn Hữu Độ, ở chỗ năm 1879 là trường thi Hương. Hơn nữa, Thư viện Quốc gia chỉ chiếm chỗ trước đây là khu đông dành cho sĩ tử - *Thế Sinh trường*; thực tế Trường Thi gồm cả khu tây và khu đông, ngày nay là toàn bộ khối phố mà phía tây giáp với phố Triệu Quốc Đạt.

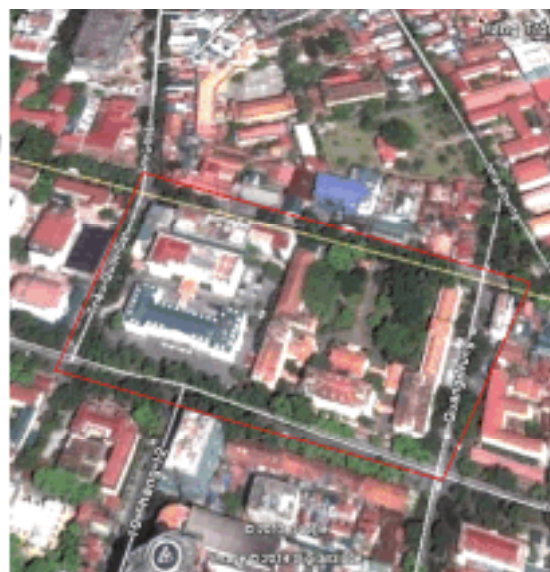
Theo lệ từ năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), cứ ba năm một lần mở khoa thi Hương vào mùa thu các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Như vậy, đúng ra hai năm 1882 (Nhâm Ngọ) và 1885 (Ất Dậu) phải mở khoa thi ở Hà Nội nhưng do “Chiến dịch bình định” (có Hocquard tham gia) nên Pháp cấm thi cử trên khắp Bắc Kỳ. Năm 1886 Toàn quyền Paul Bert cho phép Nam triều mở lại thi Hương ở Nam Định nhưng không được phép mở khoa thi đó ở thành phố Hà Nội, nhượng địa của Pháp; sĩ tử Hà Nội và các tỉnh lệ vào trường Hà trước đây (như Bắc Ninh, Sơn Tây, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang) phải xuống thi ở trường Nam [Định] và gọi là “hợp thi” (thi chung).⁽¹⁶⁾

Từ những thông tin trên, chúng tôi thấy vẽ Trường Thi như trong bản đồ Ge A-395 khá khớp với thực tế, tuy tỷ lệ ngang-dọc không được tôn trọng: Khu tây dành cho khảo quan, bị vây kín bốn phía, có chòi canh ở bốn góc, chỉ có một cửa thông với khu đông, trong khu có ba dãy nhà, dãy chính giữa dành cho khảo quan, hai dãy hai bên dành cho Đề điệu và Giám quan. Khu đông trống trơn, gọi là *Thế Sinh trường*, dành cho sĩ tử đóng lều chõng, ở giữa là nhà Thập Đạo (nơi sĩ tử đến chép đề, đóng dấu nhật trung và nộp quyển), khu này cũng có rào cao và bốn phía có tháp canh nhưng có chín cửa ra vào.



Trường Thi (dấu mũi tên là nhà Thập Đạo), trích từ Ge A-395. Khu đông dành cho sĩ tử, thường gọi là *Thế Sinh trường*, có đủ 9 cửa. Bên trái là khu tây dành cho khảo quan, chỉ có một cửa.

Chùa Quán Sứ (dưới tán hai cây lớn) nằm gần con đường lớn, nay là phố Quán Sứ.



Khu Trường Thi ngày nay. Trích từ G-map (truy cập 15/2/2014).



Hình vẽ 039_3C trong *Technique du peuple annamite* (Hà Nội, 1909: 39). Sĩ tử chép đề ở cổng Thập Đạo.



Để so sánh:
Nhà Thập Đạo trong trường thi Hương ở Nam Định, khoa Canh Tý 1900 (L'illustration, 19/1/1901).

Hình 11. Vài hình ảnh về trường thi Hương xưa.

1873



Bản đồ Hà Nội do Phạm-Dinh-Bach (họa viên chính ngạch, Sở Địa lý [ở Saigon?]) vẽ năm 1873.⁽¹⁷⁾



Trích Bản đồ Hà Nội năm 1873.

Trường Thi trong khung đỏ. Còn thấy *nhà Thập Đạo* ở giữa *Thế Sinh trường* rào kín với chín cửa ra vào; ở khu *Khảo quan* có ba tòa nhà lớn với ba nhà phụ. *Giáo đường các Thánh Tử Đạo*, trong khung xanh, còn ở ngoài khu Nhà Chung, khu này có lũy tre bao quanh.

Khoảng giữa năm 1880



Trường Thi khoảng năm 1880
(Masson 1929: Pl.XXXVIII).

**Hà Nội - Thành phố, Hoàng Thành, vùng phụ cận.
1885**



Trích Bản đồ Hà Nội năm 1885.
Trường Thi, trong khung đỏ.
Giáo đường các Thánh Tử Đạo, trong khung
xanh, mới xây lại ở trong khu Nhà Chung.

1886-1888



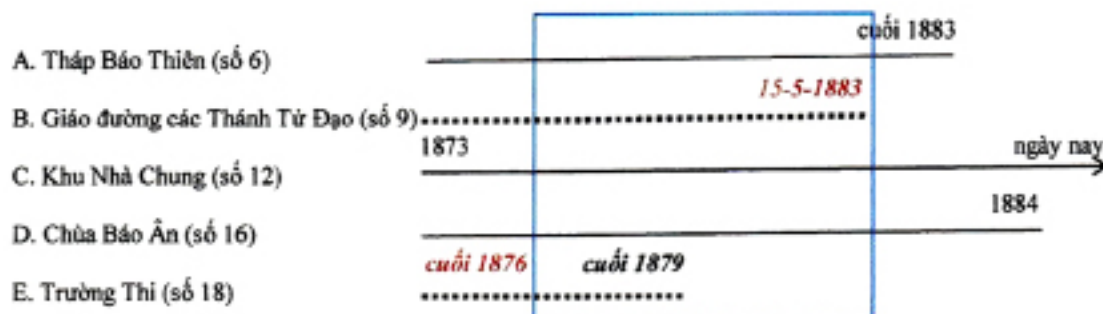
Bản đồ Hà Nội trong Đồng
Khánh địa dư chí (tập 5,
tỉnh Hà Nội, 160 trang).



試場 = [Thi Trường] Trường
Thi, trong khung đỏ.

Hình 12. Hình vẽ Trường Thi trên vài bản đồ Hà Nội cổ.

II.3. Thử đề xuất năm vẽ bản đồ Ge A-395



Sơ đồ tổng kết thời điểm “mốc” của năm hình vẽ đáng chú ý trong Ge A-395.

Tóm lại, trên bản đồ Ge A-395 có năm hình vẽ mà chúng tôi biết rõ năm bị phá hủy hay năm còn sử dụng với đúng chức năng như vẽ trên đó. Nói cách khác, *nội dung bản đồ Ge A-395 thể hiện những công trình còn tồn tại trong thời gian từ cuối năm 1876 đến trước đêm 15 tháng 5 năm 1883*. Từ hai hình vẽ hạt nhân (Giáo đường các Thánh Tử Đạo, số 9 và Trường Thi, số 18) chúng ta thấy trước tháng 10 năm 1876 khu Trường Thi còn bị quân Pháp đóng, không thể có cấu trúc như ở hình vẽ 18 trên Ge A-395 và sau tháng 5 năm 1883, không còn Giáo đường các Thánh Tử Đạo (hình số 9). Hình Trường Thi (số 18) rất cụ thể và sinh động cho phép nghĩ, bản đồ được vẽ khi *Thế Sinh trường* còn được sử dụng hay ít nhất mới bị bỏ hoang. Vậy nếu tác giả vẽ ngay từ thực tế thấy trên thực địa thì **có thể tác giả đã vẽ Ge A-395 cũng trong khoảng thời gian từ cuối năm 1876 đến trước đêm 15 tháng 5 năm 1883**.

Sơ đồ tổng kết thời điểm “mốc” của năm hình vẽ đáng chú ý trong Ge A-395, dù vẽ trực thời gian không theo tỷ lệ cũng cho thấy rõ khung thời gian (khung xanh) trong đó tác giả có thể đã vẽ Ge A-395. Lần đầu tiên từ hơn một thế kỷ nay chúng ta biết, với chứng cứ khá xác đáng, niên đại vẽ bản đồ cổ Hà Nội Ge A-395.

Ge A-395 có thể là *bản đồ mộc* (hay *bản đồ nền*) để các họa viên sẽ ghi chú, bằng chữ Nho hay chữ Pháp chẳng hạn, theo yêu cầu của người đặt hàng.

III. Kết luận

Trên đây là những suy luận của chúng tôi dựa vào những hình vẽ trên bản đồ Ge A-395 (không tên, không chú thích, đang được bảo quản tại Thư viện Quốc gia Pháp, Paris từ khoảng một thế kỷ nay) và so sánh với những thông tin lịch sử đáng tin và 9 bản đồ cổ mà chúng tôi biết. Chúng tôi rút ra hai điểm: 1) Ge A-395 đúng là bản đồ Hà Nội; 2) Thời điểm vẽ có thể là từ cuối năm 1876 đến trước đêm 15 tháng 5 năm 1883.

Ngày 07/02/2014 chúng tôi đã thông báo, bằng thư điện tử, bản thảo sơ bộ bài viết này với tên *Sur la date du Plan de Hanoi Ge A-395* (5 trang A4) cho BnF biết. Ngày 13/02/2014 ông Emmanuel Pavy (Vụ Đồ bản) trả lời “*Nhờ những ý kiến⁽¹⁸⁾ của ông chúng tôi sẽ có thể định được một cách chính xác đáng*

kể niên đại của bản đồ đó và sửa lại phiếu ghi trên Tổng mục lục của BnF^m. Và thực sự họ đã sửa niên đại, từ [17..] thành [1876-1883].

Chúng tôi cũng hiểu là, con người không thể *viết* lịch sử theo đơn đặt hàng. Vì vậy, kính mong quý vị quan tâm góp ý sửa chữa thêm cho những ý kiến thô thiển trên.^(*)

N Q M

CHÚ THÍCH

- (1) Ngày 7/9/1889, Thống sứ (Résident général) Parreau đã tặng các vị tân khoa trường Nam, vừa đồng hồ vừa máy hát (J.S. *L'examen des lettrés au Tonkin* [Mœurs et Coutumes des Différents Peuples]. *Journal des Voyages et des Aventures de Terre et de Mer*, 1889, No. 601, p. 23).
- (2) Số lượng và tên gọi của các cửa ô ở Hà Nội thay đổi nhiều theo thời gian và theo người gọi (dân dã hay chính thức trên văn bản của chính quyền). Chúng tôi tạm ghi ở đây, dựa một phần theo Nguyễn Vinh Phúc (2005: 41- 60) và vào thời điểm những năm 1870-1880.
- (3) Laval, F. et E. Pavy (trao đổi riêng, 4/02/2014). Hiện nay (truy cập 28/02/2014) niên đại của bản đồ trên phiếu ghi của BnF đã sửa thành **[1876-1883]**.
- (4) Nathalie Lancret. *Sơ đồ bản đồ Hà Nội*, sdd, tr. 59-74.
- (5) *Indochine: des territoires et des hommes, 1856-1956* (Catalogue de l'Exposition à l'Hôtel des Invalides, Paris, 16 octobre 2013 - 26 janvier 2014, sous la direction de Christophe Bertrand, Caroline Herbelin, Jean-François Klein). Paris, Gallimard et Musée de l'Armée, 2013, p.191.
- (6) Cuộc xâm chiếm Việt Nam, nhất là chiến dịch Bắc Kỳ trong những năm 1870-1890 là đề tài thời sự nóng hổi thời đó đối với dư luận ở Pháp và vài nước châu Âu đang xâm chiếm thuộc địa như Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan... Vì vậy nhiều người đã đến Bắc Kỳ, từ dân thường tới quan chức các cấp, từ lính tới quan... đều viết và xuất bản phóng sự, hồi ký... và mỗi người từ góc độ hiểu biết của mình đưa ra một hình ảnh Bắc Kỳ khác nhau với nhiều niên đại, thời điểm khác nhau, đúng sai lẫn lộn. Trong hàng trăm ấn phẩm đã xuất bản hồi đó và sau đó, chúng tôi đặc biệt chú ý đến những thông tin về thời điểm và niên đại rất logic và khớp nhau có trong: 1) Hocquard. *Une campagne au Tonkin*, Paris, Librairie Hachette et Cie, 1892 [bản *Trình bày và chú giải* của Philippe Papin do *arléa*, Paris mới tái bản năm 1999, ngoài vài thông tin tổng hợp liên quan đến Hocquard và hành trình của vị bác sĩ này, đã gây nhiều nhiều hơn là giúp người đọc hiểu sự thật] và 2) A. Masson. *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)*, Paris, Librairie Orientaliste Paul Geuthner, 1929 [bản tiếng Việt dưới tên *Hà Nội giai đoạn 1873-1888* do Nxb Hải Phòng ấn hành năm 2003 bị cắt xén nhiều]. Chúng tôi chưa tìm được những thông tin loại trên từ các nguồn tin đương thời của ta, trừ những bài và sách do người đời sau viết theo quan điểm mới.
- (7) [An Nam] *tứ đại khí* gồm *tháp Báo Thiên* ở Thăng Long (không còn), *chuông Quy Điền* (chuông đồng lớn, đánh không kêu, vút ở ruộng ngập nước nhiều rùa bên chùa Diên Hựu [chùa Một Cột], Thăng Long, không còn), *tượng chùa Quỳnh Lâm* (tượng bằng đồng, cao tới 6 trượng [khoảng 20m], chùa Quỳnh Lâm thuộc dãy Yên Tử, không còn) và *vạc chùa Phổ Minh* (miệng vạc đồng này dày và rộng đến mức hai người có thể chạy nhảy, đi lại trên đó, chùa này ở Tức Mặc, Nam Định, không còn). Những thông tin trên đều là tương truyền vì đến đầu thế kỷ 15, tất cả *tứ đại khí* đều không còn, *riêng tháp Báo Thiên* còn dấu tích hoang phế cho đến cuối năm 1883!

* Chân thành cảm ơn bà Solène Granier (Département Contemporain, Musée de l'Armée) và các ông Emmanuel Pavy, Frédérique Laval (Département des Cartes et plans, Bibliothèque nationale de France).

- (8) Phạm Sư Mạnh (? - ?), học trò Chu Văn An, có để lại bài thơ chữ Nho *Đề Báo Thiên tháp* trong *Toàn Việt thi lục* do Lê Quý Đôn (1726-1784) sưu tầm, biên soạn.

題報天塔

鎮壓東西羣帝畿，
巋然一塔獨巍巍。
山河不動擎天柱，
今古難磨立地錐。
風擺鐘鈴時應答，
星移燈燭夜光輝。
我來欲泚題名筆，
管領春江作硯池。

[Đào Thái Tôn dịch thơ:

Trấn áp đông tây giữ đế đô,
Hiên ngang ngọn tháp đứng trơ trơ.
Non sông vững chãi tay trời chống,
Kim cổ khôn mòn đỉnh tháp nhô.
Thỉnh thoảng gió lay chuông ứng đáp,
Đêm đêm sao xế đuốc khôn mờ.
Tới đây những muốn dầm ngòi bút,
Chiếm cả dòng sông mài mực thơ.

Bổ chú của BBT].

- (9) Việc xác định niên đại của các “bản đồ cổ” thuộc “dòng Hán Nôm”, vẽ theo phương pháp “điều lãm”, theo chúng tôi, còn phức tạp và nhiều giả định chủ quan hơn việc xác định niên đại các văn bản Hán Nôm.
- (10) Trước đó Hocquard (1892: 319-320) đã nói cụ thể hơn (tạm dịch): “*Các linh mục dòng Dominicain, người Tây Ban Nha ở phía bắc thuộc địa của chúng ta [Bắc Kỳ] không phải lúc nào cũng phục vụ sự nghiệp của chúng ta [nước Pháp]; nhưng các linh mục thuộc Giáo đoàn Thừa sai (Missions étrangères) đã thường xuyên tỏ ra mình là những người yêu nước tuyệt vời và là những người Pháp tốt; chưa bao giờ họ từ chối cung cấp cho các tướng tá những lời khuyên và những hiểu biết của họ về đất nước này và trong nhiều dịp khác nhau, những mật viên (émisnaire) của họ đã cung cấp những thông tin quý về hoạt động của quân thù, chúng ta không thể có được những thông tin loại đó từ những nguồn khác*”.
- Sự “cộng tác” này còn kéo dài hoài hoài. Một thí dụ: theo Ph. Chaplain, trong vụ Hà thành đầu độc (27/6/1908)... Trước đó ít lâu, thiếu tá Grimaud đã được Giáo đoàn Thừa sai báo cho biết là ngay tối đó sẽ có một cuộc phản loạn...
- Hocquard trên danh nghĩa là một bác sĩ quân y nhưng do được giao nhiệm vụ ghi [độ cao] địa hình qua hình ảnh (topographie photographique, để vẽ bản đồ quân sự) cùng tính đam mê chụp hình, tính tò mò và cũng nhờ có những nhà Nho cố vấn rất tốt nên đã thường xuyên tiếp xúc với những giới chức Pháp cao cấp nhất thời đó ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, vì vậy đôi khi ông vô tình tiết lộ những thông tin nội bộ rất quý (chẳng hạn, thông tin chúng tôi vừa trích dịch ở trên).
- (11) Tên tiếng Việt của sách này là *Chuyến đi Bắc-kì năm Ất-hợi 1876* nhưng thực tế Trương Vĩnh Ký khởi hành từ Sài Gòn vào giữa tháng Chạp năm Ất Hợi [*Qua ngày 18 tháng Chạp (năm Ất Hợi) để huế xuống tàu* (tr. 3); đó là thứ sáu 14 tháng 1 năm 1876] và ở Bắc Kỳ đầu năm Bính Tý. Những người và cảnh Trương Vĩnh Ký tả trong sách này là hình ảnh thấy vào năm Bính Tý 1876.
- (12) Hai câu cuối bài này có nhiều dị bản; ở đây chúng tôi theo ghi chép của Trương Vĩnh Ký vì ông là nhân chứng sống không xa thời điểm xảy ra sự kiện.
- (13) Nhiều tác giả người Việt ngày nay (tức *không tận mắt thấy chùa*) lại cho là cảnh Thập điện Diêm Vương được vẽ trên giấy và treo trên tường trong Phật điện.

- (14) Theo Tô Hoài (tr. 297, sách *Hà Nội phố phường xưa*, bản in năm 2010) nhưng chính ông Hoàng Đạo Thúy, trong bút tích bài thơ cuối cùng, lại ghi năm sinh của mình là 1900.
- (15) Trong *Une campagne au Tonkin* (bản in 1892 cũng như bản in lại 1999), các hình đều là hình khắc theo ảnh chụp (héliogravure); mấy ông “thợ khắc” đã thay đổi chút ít trong tác phẩm của mình, chẳng hạn: trên ảnh chụp chùa Báo Ân, tháp bên trái của cổng chùa bị gãy ngọn nhưng trên hình khắc, tháp được vẽ lại và khắc còn ngọn.



Ảnh chụp



Hình khắc theo ảnh chụp

Mặt khắc, rất khó xác định được đúng tác giả, địa điểm và thời điểm chụp. Những ghi chép còn lại đều sơ sài và nhiều khi còn lầm lẫn.

- (16) Nhà thơ Trần Tế Xương (1870-1907), người từng dự những khoa “hợp thi” đó, có viết:
- Nhà nước ba năm mở một khoa
Trường Nam thi lẫn với trường Hà...*
- (17) Bản đồ Phạm-dinh-Bach 1873 và bản *Chú dẫn* kèm theo gọi lên vài câu hỏi. Xin sẽ đề cập vào một dịp khác.
- (18) E. Pavy dùng từ *travaux* (thường dịch là *công trình* trong văn cảnh này), chúng tôi nghĩ dịch là *ý kiến* thì hợp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 同慶地輿志 [*Đồng Khánh địa dư chí*], Bản A. 537/5, tỉnh Hà Nội.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản mềm trên www.viethoc.org/eholdings/sach/dvsktt.pdf (truy cập 12/02/2014).
3. [http://www.hanoilavie.com/index.php?lang=fr&action=voir_photo&rep=Textes Philippe Chaplain&photo=attentat du 27 juin page 1.jpg](http://www.hanoilavie.com/index.php?lang=fr&action=voir_photo&rep=Textes+Philippe+Chaplain&photo=attentat+du+27+juin+page+1.jpg) (truy cập 18/3/2014).
4. *Indochine: des territoires et des hommes, 1856-1956* (Catalogue de l'Exposition à l'Hôtel des Invalides, Paris, 16 octobre 2013 - 26 janvier 2014, sous la direction de Christophe Bertrand, Caroline Herbelin, Jean-François Klein). Paris, Gallimard et Musée de l'Armée, 2013.
5. Clément, P. và N. Lancret (chủ biên). *Hà Nội-Chu kỳ của những đổi thay, hình thái kiến trúc và đô thị*, Hà Nội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2005.
6. Đoàn Đoan Trinh. *Hà Nội - Di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng*, Hà Nội, Trung tâm UNESCO, Bảo tồn và Phát triển Văn hóa dân tộc Việt Nam, 2000.
7. Hoàng Đạo Thúy. *Hà Nội phố phường xưa*, Hà Nội, Nxb Thời đại, 2010.
8. Hocquard (Docteur). *Une campagne au Tonkin*, Paris, Librairie Hachette et Cie, 1892.
9. Hocquard (Docteur). *Une campagne au Tonkin*, Ouvrage contenant deux cent quarante-sept gravures et deux cartes. Présenté et annoté par Philippe Papin, de l'École française d'Extrême-Orient. Paris, arléa, 1999.
10. Huard, P., M. Durand. *Connaissance du Viêt-Nam*, Paris-Hanoi, Imprimerie nationale-École française d'Extrême-Orient, 1954.

11. J.S. *L'examen des lettrés au Tonkin* (Mœurs et Coutumes des Différents Peuples), Journal des Voyages et des Aventures de Terre et de Mer, 1889, No. 601, p. 23.
12. Madrolle, Cl. *Hanoi et ses environs*, Paris, Hachette, 1912.
13. Masson, A. *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)*. Paris, Librairie Orientaliste Paul Geuthner, 1929.
14. Nguyễn Văn Uẩn. *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Hà Nội, Nxb Hà Nội, 2000. tr. 773-790.
15. Nguyễn Vinh Phúc. *Hà Nội Cõi đất - Con người*, Hà Nội, Nxb Thế giới, 2005.
16. Nguyễn Thị Chân Quỳnh. "Khoa cử Việt Nam - Thi Hương", <http://chimviet.free.fr/giaoduc/chquynh/thihuong/Ph2%20Ch4%20-%20TRUONG%20THI.htm> (truy cập 2/02/2014).
17. Nguyễn Xuân Hiến, Margret J. Vlaar. "The Nho Script in Some Last Literal Examinations in Feudal Vietnam", *Journal of Asian Studies* (đang in).
18. Nordemann, Ed. *Chrestomathie annamite*, Deuxième Edition, revue et corrigée. Hanoi-Haiphong, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1914.
19. Trần Huy Liệu (chủ biên). *Lịch sử thủ đô Hà Nội*. Hà Nội, Nxb Sử học, 1960.
20. Trương-vĩnh-Ký, P.J.B. 自述往北圻傳 [Tự thuật vãng Bắc Kỳ truyện] *Voyage au Tonkin en 1876-1877*, Saigon, Bản-in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1881.

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả khảo cứu của tác giả về một tấm bản đồ cổ không tên (titre), không chú dẫn (légende), không chú thích (inscription), không có niên đại rõ ràng, mang ký hiệu Ge A-395 hiện bảo quản tại Thư viện Quốc gia Pháp. Dựa vào các hình vẽ trên tấm bản đồ này, kết hợp so sánh với các nguồn tư liệu (chữ viết và bản đồ) đáng tin cậy có cùng niên đại, tác giả đã kết luận: Ge A-395 đúng là bản đồ vẽ Hà Nội và niên đại của nó có thể là từ cuối năm 1876 đến trước đêm 15 tháng 5 năm 1883.

Ý kiến của tác giả đã được Thư viện Quốc gia Pháp chấp nhận và họ đã sửa lại niên đại của tấm bản đồ Ge A-395 trên phiếu ghi của Tổng mục lục BnF, từ [17..] (thế kỷ 18) thành [1876-1883].

ABSTRACT

ABOUT THE DATE OF AN ANCIENT MAP OF HÀ NỘI

The article expresses the research results on an ancient map numbered Ge A-395 without title, legend, inscription and date being preserved in the National Library of France. Based on the drawings in the map and the comparison of reliable documentary sources (script and maps) with the same date, the author concludes that Ge A-395 is the map of Hà Nội and its date can be within the late 1876 and before 15 May 1883.

The author's opinion was accepted by the National Library of France, and the date of the map Ge A-395 on the card of general list BnF was corrected from [17..] (18th century) to [1876-1883].